

Số: 264/2017/QĐST-HNGĐ

Trà Ôn, ngày 08 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 357/2017/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Xuân M**, sinh năm 1984.

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã Th, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Tạm trú: ấp M, xã Th, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Lê Minh Ch** – Văn phòng Luật sư Nguyễn Đ thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh **Chế Hoài H**, sinh năm 1984.

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã Th, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 10 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 10 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Xuân M và anh Chế Hoài H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cháu Chế Thị Như Y, sinh ngày 03/5/2014 cho chị Nguyễn Thị Xuân M tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Chế Hoài H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 600.000đ (*Sáu trăm ngàn đồng*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 31/10/2017. Anh Hận có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Xuân M có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Chế Hoài H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh Hận không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Các đương sự được miễn nộp tiền án phí do thuộc diện hộ cận nghèo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- UBND xã Th, huyện T, tỉnh Vĩnh Long
(Giấy chứng nhận kết hôn số 33/2014 ngày 22/4/2014);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lâm Văn Năm